



HAI MINH

C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 561A Điện Biên Phủ - P. 25 – Quận Bình Thạnh – Tp HCM

Tel: 08. 3512 8668

Fax: 08. 3512 8688

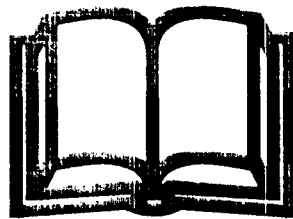
haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 4 NĂM 2016

(MÃ CK : HMIH)



Tp. HCM ngày 18 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01a-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số dư 31/12/2016 | Số dư 01/01/2016 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 69,195,546,562 | 67,384,547,540 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 32,524,169,106 | 38,046,478,624 |
| 1. Tiền | 111 | | 9,024,169,106 | 5,263,441,957 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 23,500,000,000 | 32,783,036,667 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1,282,694,444 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 1,282,694,444 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 34,046,727,199 | 27,982,652,836 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 21,290,037,372 | 13,100,527,638 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 649,269,873 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | - | - |
| 2. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 12,107,419,954 | 14,882,125,198 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.5 | 403,208,568 | - |
| Hàng tồn kho | 141 | | 403,208,568 | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 938,747,245 | 1,355,416,080 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6.a | 938,747,245 | 557,488,384 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 797,927,696 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 192,315,133,791 | 181,489,229,369 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 467,088,000 | 997,088,000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 467,088,000 | 997,088,000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 34,175,174,258 | 37,102,810,645 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 33,590,197,123 | 36,503,849,994 |
| Nguyên giá | 222 | | 48,209,046,656 | 48,911,312,583 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (14,618,849,533) | (12,407,462,589) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 584,977,135 | 598,960,651 |
| Nguyên giá | 228 | | 601,291,237 | 601,291,237 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (16,314,102) | (2,330,586) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 5,882,649,091 | 362,000,000 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 5,882,649,091 | 362,000,000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 150,290,556,270 | 142,029,539,451 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.10 | 122,145,320,000 | 109,184,320,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.10 | 25,245,219,451 | 26,045,219,451 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 2,900,016,819 | 5,800,000,000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | - | 1,000,000,000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1,499,666,172 | 997,791,273 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 1,499,666,172 | 997,791,273 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 261,510,680,353 | 248,873,776,909 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số dư 31/12/2016 | Số dư 01/01/2016 |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 15,611,319,766 | 9,509,612,435 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 15,369,066,713 | 9,205,591,382 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 6,973,821,914 | 5,122,975,195 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 909,178,849 | 1,423,239,045 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 898,595 | 7,694,137 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 75,436,364 | 93,909,090 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13a | 7,040,146,850 | 2,093,922,111 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 369,584,141 | 463,851,804 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 242,253,053 | 304,021,053 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.13b | 155,000,000 | 198,068,000 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 87,253,053 | 105,953,053 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 245,899,360,587 | 239,364,164,474 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 245,899,360,587 | 239,364,164,474 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 131,998,470,000 | 131,998,470,000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>131,998,470,000</i> | <i>131,998,470,000</i> |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5,840,984,271 | 5,860,984,271 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 6,614,442,869 | 6,614,442,869 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 101,445,463,447 | 94,890,267,334 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>69,777,098,698</i> | <i>50,387,972,163</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>31,668,364,749</i> | <i>44,502,295,171</i> |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 261,510,680,353 | 248,873,776,909 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 1 năm 2017



NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56/1A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

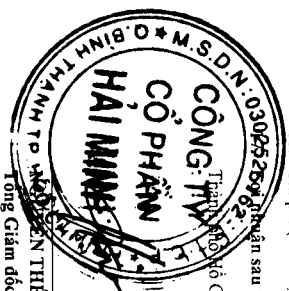
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2016
 (Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2015)

MÃU B02a-DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | Lũy kế năm 2016 | Lũy kế năm 2015 | |
|--|-------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| | | Quý IV năm 2016 | Quý IV năm 2015 | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VL.1 | 10,242,022,192 | 15,819,763,413 | 41,900,880,278 | 63,373,960,588 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | | 3,510,000 | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 10,242,022,192 | 15,819,763,413 | 41,897,370,278 | 63,373,960,588 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VL.2 | 7,664,246,280 | 12,649,433,777 | 32,276,095,991 | 51,664,798,619 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2,577,775,912 | 3,170,329,636 | 9,621,274,287 | 11,709,161,969 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VL.3 | 5,379,361,878 | 1,613,242,200 | 30,037,979,212 | 37,655,182,345 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 86,355,222 | 22,351,911 | 953,994,331 | 165,117,402 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay:</i> | 23 | | | | | |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | | 898,486,465 | 4,115,177,262 | 3,702,534,725 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VL.4 | 1,025,650,038 | 3,862,733,460 | 34,590,081,906 | 45,496,692,187 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6,845,132,530 | 15,957,598 | 2,931,636,725 | 1,667,011,901 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 18,000,002 | 47,723,284 | 2,861,877,302 | 1,667,011,901 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | | | | |
| 13. Lợi nhuận (ổ) khác | 40 | VL.5 | -29,723,282 | 15,957,598 | 69,759,423 | 1,667,011,901 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6,815,409,248 | 3,878,691,058 | 34,659,841,329 | 47,163,704,088 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 1,364,005,357 | 642,034,057 | 2,991,476,580 | 2,661,408,917 |
| 16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 5,451,403,891 | 3,236,657,001 | 31,668,364,749 | 44,502,295,171 |

Trưởng Ban Kiểm soát Chi Minh, ngày 18 tháng 1 năm 2017



NGUYỄN THẾ HÙNG
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-------|-------------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 34,659,841,329 | 47,163,704,088 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 4,621,775,914 | 4,588,892,167 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (375,744,460) |
| - (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | (2,199,245) |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (19,676,256,768) | (38,706,515,954) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 19,605,360,475 | 12,668,136,596 |
| - (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu | 09 | | (4,736,146,667) | 1,725,071,207 |
| - Tăng hàng tồn kho | 10 | | (403,208,568) | 672,944,748 |
| - Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (3,821,058,628) | (1,140,631,697) |
| - Tăng chi phí trả trước | 12 | | (883,133,760) | 1,785,843,064 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (3,682,047,557) | (1,958,037,348) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 129,317,000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | (2,430,246,760) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 6,079,765,295 | 11,452,396,810 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (10,390,942,636) | (7,466,142,941) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 2,892,727,273 | 2,703,636,364 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (8,150,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 19,597,682,273 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (14,243,694,444) | (27,200,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 4,699,983,181 | 1,800,000,000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 19,959,683,513 | 15,974,046,088 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 2,917,756,887 | (2,740,778,216) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 23,555,018,546 |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (14,519,831,700) | (14,956,456,910) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (14,519,831,700) | 8,598,561,636 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (5,522,309,518) | 17,310,180,230 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 38,046,478,624 | 20,734,099,149 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 2,199,245 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 32,524,169,106 | 38,046,478,624 |



(Handwritten signatures of Nguyễn Thành Văn)

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý IV năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

| Tên công ty | Địa chỉ | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|------------------------------------|--|--------------------------------|---|------------------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng | Dịch vụ Tiếp vận | 96,08% | 96,08% |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng | Dịch vụ Tiếp vận | 100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp) | 100,00% |
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp) | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------|-----------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| | Hải Phòng | | | |

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

| Tên công ty | Địa chỉ | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-----------------------------------|---|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Công ty TNHH "K" Line Việt Nam | 60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội | Dịch vụ Tiếp vận | 25,00% | 25,00% |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Minh | Số 1, Đường Đinh Hải Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ Tiếp vận | 49,00% | 49,00% |

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 59 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 57 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2016 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý IV năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo do giá trị hàng tồn kho dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho của Công ty. Tăng và giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|--------------------------|--------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5-25 |
| Máy móc thiết bị | 3 - 12 |
| Phương tiện vận tải | 3 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 -8 |
| Tài sản khác | 5 - 10 |

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Báo cáo.

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số dư 31/12/2016 | Số dư 01/01/2016 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 275.955.227 | 21.708.364 |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.748.213.879 | 5.241.733.593 |
| Các khoản tương đương tiền | 23.500.000.000 | 32.783.036.667 |
| Cộng | 32.524.169.106 | 38.046.478.624 |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | | |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn | 1.282.694.444 | - |
| b) Dài hạn | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn | - | 1.000.000.000 |
| Cộng | 1.282.694.444 | 1.000.000.000 |

3. Phải thu của khách hàng

| | | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 5.403.817.936 | 2.411.895.646 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 326.593.044 | 1.206.996.872 |
| Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 1.984.500.000 | 2.031.443.100 |
| Các khách hàng khác | 13.575.126.392 | 7.450.192.020 |
| Cộng (*) | 21.290.037.372 | 13.100.527.638 |
| (*) Phải thu bên liên quan | 7.714.910.980 | 5.650.335.618 |

4. Phải thu khác

| | Số dư 31/12/2016 | | Số dư 01/01/2016 | |
|----------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Phải thu ngắn hạn khác | 12.107.419.954 | - | 14.882.125.198 | - |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 6.352.378.277 | - | 6.352.378.277 | - |
| Tạm ứng nhân viên | 155.701.886 | - | 184.962.018 | - |
| Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh | 4.846.391.787 | - | 7.623.254.549 | - |
| Công ty TNHH MTV Đồng Kim Long | - | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 752.948.004 | - | 721.530.354 | - |
| b) Phải thu dài hạn khác | 467.088.000 | - | 997.088.000 | - |
| Đặt cọc tiền thuê kho bãi | - | - | 100.000.000 | - |
| Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ | - | - | 500.000.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn khác | 467.088.000 | - | 397.088.000 | - |
| Cộng (*) | 12.574.507.954 | - | 15.879.213.198 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| (*) Phải thu khác là bên liên quan | 11.195.79.064 | 13.972.111.826 |
| 5. Hàng tồn kho | | |
| | Số dư 31/12/2016 | Số dư 01/01/2016 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 147.954.792 | - |
| Hàng hóa | 255.253.776 | - |
| Cộng | 403.208.568 | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần của hàng tồn kho | 403.208.568 | - |
| 6. Chi phí trả trước | | |
| a) <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i> | 938.747.245 | 557.488.384 |
| Chi phí sửa chữa | 477.245.862 | 354.035.290 |
| Chi phí khác | 461.501.383 | 203.453.094 |
| b) <i>Chi phí trả trước dài hạn</i> | 1.499.666.172 | 997.791.273 |
| Công cụ, dụng cụ | 533.911.139 | 771.434.388 |
| Chi phí sửa chữa | 176.354.257 | 172.053.848 |
| Chi phí khác | 789.400.776 | 54.303.037 |
| Cộng | 2.438.413.417 | 1.555.279.657 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
BAO CAO TÀI CHÍNH
 Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|---------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư 01/01/2016 | 14.505.410.057 | - | 30.180.359.180 | 172.415.073 | 4.053.128.273 | 48.911.312.583 |
| Tăng trong kỳ | | | 4.508.293.545 | | | 4.508.293.545 |
| Giảm trong kỳ | | | 5.210.559.472 | | | 5.210.559.472 |
| Số dư 31/12/2016 | 14.505.410.057 | - | 29.478.093.253 | 172.415.073 | 4.053.128.273 | 48.209.046.656 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư 01/01/2016 | 56.222.518 | - | 10.727.686.720 | 172.415.073 | 1.451.138.278 | 12.407.462.589 |
| Tăng trong kỳ | 337.335.108 | | 3.568.796.914 | | 701.660.376 | 4.607.792.398 |
| Giảm trong kỳ | | | 2.396.405.454 | | | 2.396.405.454 |
| Số dư 31/12/2016 | 393.557.626 | - | 11.900.078.180 | 172.415.073 | 2.152.798.654 | 14.618.849.533 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư 01/01/2016 | 14.449.187.539 | - | 19.452.672.460 | - | - | 36.503.849.994 |
| Số dư 31/12/2016 | 14.111.852.431 | - | 17.578.015.073 | - | - | 33.590.197.123 |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | | | |
| Tại 01/01/2016 | - | - | 3.432.547.572 | 172.415.073 | - | 3.604.962.645 |
| Số dư 31/12/2016 | - | - | 4.802.027.572 | 172.415.073 | - | 4.974.442.645 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

| | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số dư 01/01/2016 | 601.291.237 | 601.291.237 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư 31/12/2016 | 601.291.237 | 601.291.237 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư 01/01/2016 | 2.330.586 | 2.330.586 |
| Tăng trong kỳ | 13.983.516 | 13.983.516 |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư 31/12/2016 | 16.314.102 | 16.314.102 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số dư 01/01/2016 | 598.960.651 | 598.960.651 |
| Số dư 31/12/2016 | 584.977.135 | 584.977.135 |

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số dư 31/12/2016 | Số dư 01/01/2016 |
|---------------------|----------------------|--------------------|
| Các công trình khác | 5.882.649.091 | 362.000.000 |
| Cộng | 5.882.649.091 | 362.000.000 |

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| Chỉ tiêu | Số dư 31/12/2016 | | | Số dư 01/01/2016 | | |
|------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|------------------------|----------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Dầu tư vào công ty con | | | | | | |
| Công ty TNHH Hàng hải HM | 41.580.000.000 | - | 41.580.000.000 | 28.619.000.000 | - | 28.619.000.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | 34.604.120.000 | - | 34.604.120.000 | 34.604.120.000 | - | 34.604.120.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | 45.961.200.000 | - | 45.961.200.000 | 45.961.200.000 | - | 45.961.200.000 |
| Cộng | 122.145.320.000 | - | 122.145.320.000 | 109.184.320.000 | - | 109.184.320.000 |
| Dầu tư vào công ty liên kết | | | | | | |
| Công ty TNHH Kline Việt Nam | 18.175.783.651 | - | 18.175.783.651 | 18.175.783.651 | - | 18.175.783.651 |
| Công ty TNHH Dongbu Hai Minh | 7.069.435.800 | - | 7.069.435.800 | 7.069.435.800 | - | 7.069.435.800 |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú | - | - | - | 800.000.000 | - | 800.000.000 |
| Cộng | 25.245.219.451 | - | 25.245.219.451 | 26.045.219.451 | - | 26.045.219.451 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Paza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:*

| Tên công ty con | Nơi hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%) | Giá trị (VND) | Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính |
|--|---|-----------------------|------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% | 100,00% | 41.380.000.000 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng | 96,08% | 96,08% | 34.604.120.000 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% | 100,00% | 45.961.200.000 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| Cộng | | | | 122.145.320.000 | |

Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty liên kết:

| Tên công ty liên kết | Nơi hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%) | Giá trị (VND) | Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính |
|---------------------------------------|---|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|--|
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội | 25,00% | 25% | 18.175.783.651 | Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | Số 1, Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh | 49,00% | 49,00% | 7.069.435.800 | Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ |
| Cộng | | | | 25.245.219.451 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

| | Số dư 31/12/2016 | | Số dư 01/01/2016 | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú | - | - | 17.240.000 | 17.240.000 |
| Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1.755.601.460 | 1.755.601.460 | 1.977.928.060 | 1.977.928.060 |
| SAMUDERA SHIPPING LINE LTD. | - | - | - | - |
| Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng | 1.480.659.554 | 1.480.659.554 | 536.618.487 | 536.618.487 |
| Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh | 18.550.000 | 18.550.000 | 268.800.000 | 268.800.000 |
| Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát | 2.604.000 | 2.604.000 | 12.078.150 | 12.078.150 |
| Khách hàng khác | 3.716.406.900 | 3.716.406.900 | 2.310.310.498 | 2.310.310.498 |
| Cộng | 6.973.821.914 | 6.973.821.914 | 5.122.975.195 | 5.122.975.195 |
| | | | | |
| Phải trả người bán bên liên quan | 21.154.000 | | 298.118.150 | |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | Số dư 01/01/2016 | Số phải nộp | Số đã nộp | Số dư 31/12/2016 |
|--|--------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước | (797.927.696) | 3.101.052.898 | 2.220.806.260 | 82.318.942 |
| <i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i> | (797.927.696) | 3.101.052.898 | 2.220.806.260 | 82.318.942 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.142.034.057 | 2.991.476.580 | 3.682.047.557 | 451.463.080 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i> | 1.142.034.057 | 2.991.476.580 | 3.682.047.557 | 451.463.080 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 186.806.153 | 1.055.278.066 | 989.630.535 | 252.453.684 |
| Các loại thuế khác | 94.398.835 | 957.634.491 | 929.090.183 | 122.943.143 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 94.398.835 | 954.634.491 | 926.090.183 | 122.943.143 |
| Cộng | 625.311.349 | 8.105.442.035 | 7.821.574.535 | 909.178.849 |

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán

| | | |
|---|---------------|-------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*) | 797.927.696 | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.423.239.045 | 909.178.849 |

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

13. Phải trả khác

| | Số dư 31/12/2016 | Số dư 01/01/2016 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| a) Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Kinh phí công đoàn | 34.405.230 | 90.118.730 |
| BHXH | 1.494.000 | - |
| BHYT | 1.515.000 | - |
| BHTN | 100.000 | - |
| Cô tức phải trả | 6.599.923.500 | 2.463.920 |
| Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn | - | - |
| Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh | - | 555.903.592 |
| Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát | - | 383.445.217 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 402.709.120 | 1.061.990.652 |
| Cộng | 7.040.146.850 | 2.093.922.111 |
| b) Phải trả dài hạn khác | 155.000.000 | 198.068.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh -- Ký quỹ thuê văn phòng | 140.000.000 | 140.000.000 |
| Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn | - | 30.000.000 |
| Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn | 15.000.000 | 28.068.000 |
| Cộng (*) | 7.195.146.850 | 2.291.990.111 |
| (*) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan | | |
| Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan | 140.000.000 | 1.079.348.809 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BAO CAO TÀI CHÍNH
 Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số dư 01/01/2016 | Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*) | Thu khác | Sử dụng các quỹ trong kỳ | Số dư 31/12/2016 |
|-----------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Năm 2016 | | | | | |
| Quỹ phúc lợi, khen thưởng | 138.225.132 | 2.329.473.671 | 575.109.000 | (3.020.426.802) | 22.381.001 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 325.626.672 | 1.663.939.765 | - | (1.642.363.297) | 347.203.140 |
| Cộng | 463.851.804 | 3.993.413.436 | 575.109.000 | (4.662.790.099) | 369.584.141 |

15. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư 01/01/2015 | 100.000.000.000 | 2.959.478.445 | (694.034.275) | 7.347.867.524 | 80.358.937.715 | 189.972.249.409 |
| Tăng vốn | 31.998.470.000 | 2.779.741.555 | - | (733.424.655) | (11.305.566.900) | 22.739.220.000 |
| Lợi nhuận năm 2015 | - | - | - | - | 44.502.295.171 | 44.502.295.171 |
| Bán cổ phiếu quỹ | - | (44.273.318) | 673.712.109 | - | - | 629.438.791 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | (3.706.477.822) | (3.706.477.822) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (14.958.920.830) | (14.958.920.830) |
| Điều chỉnh khác | - | 166.037.589 | 20.322.166 | - | - | 186.359.755 |
| Số 31/12/2015 | 131.998.470.000 | 5.860.984.271 | - | 6.614.442.869 | 94.890.267.334 | 239.364.164.474 |
| Số dư 01/01/2016 | 131.998.470.000 | 5.860.984.271 | - | 6.614.442.869 | 94.890.267.334 | 239.364.164.474 |
| Lợi nhuận 12 tháng năm 2016 | - | - | - | - | 31.668.364.749 | 31.668.364.749 |
| Trích quỹ các quỹ | - | - | - | - | (3.993.413.436) | (3.993.413.436) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (21.119.755.200) | (21.119.755.200) |
| Giảm khác | - | (20.000.000) | - | - | - | (20.000.000) |
| Số dư 31/12/2016 | 131.998.470.000 | 5.840.984.271 | - | 6.614.442.869 | 101.445.463.447 | 245.899.360.587 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Vốn điều lệ**

| | Vốn điều lệ theo giấy phép | | Số dư 31/12/2016 | | Số dư 01/01/2016 | |
|-------------|----------------------------|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|-------------------|
| | VND | Số cổ phần | VND | Số cổ phần | VND | Số cổ phần |
| Vốn điều lệ | 131.998.470.000 | 13.199.847 | 131.998.470.000 | 13.199.847 | 131.998.470.000 | 13.199.847 |
| Cộng | 131.998.470.000 | 13.199.847 | 131.998.470.000 | 13.199.847 | 131.998.470.000 | 13.199.847 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Tên cổ đông | Số dư tại 28/12/2016 | | Số dư 01/01/2016 | | | |
|-------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|----------------|-------------------|------------------------|
| | Tỷ lệ | Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ | Cổ phiếu | Giá trị |
| Công ty Cổ phần MHC | - | - | - | 7,04% | 929.198 | 9.291.980.000 |
| Peter Eric Dennis | 5,64% | 744.717 | 7.447.170.000 | 5,64% | 744.717 | 7.447.170.000 |
| Ông Nguyễn Thế Quân | 3,99% | 526.718 | 5.267.180.000 | 3,86% | 509.750 | 5.097.500.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Hùng | 3,31% | 437.385 | 4.373.850.000 | 3,31% | 437.385 | 4.373.850.000 |
| Pryn Elite Fund (Non - ucits) | 2,89% | 381.000 | 3.810.000.000 | 2,89% | 381.000 | 3.810.000.000 |
| Ông Lê Ngọc Đức | 2,59% | 341.886 | 3.418.860.000 | 2,59% | 341.886 | 3.418.860.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hà | 2,58% | 340.185 | 3.401.850.000 | 2,58% | 340.185 | 3.401.850.000 |
| Ông Phùng Văn Quang | 2,56% | 337.904 | 3.379.040.000 | 2,56% | 337.904 | 3.379.040.000 |
| Bà Nguyễn Mỹ Hải | 2,53% | 334.273 | 3.342.730.000 | 2,53% | 334.273 | 3.342.730.000 |
| Các cổ đông khác | 73,91% | 9.755.779 | 97.557.790.000 | 67,00% | 8.843.549 | 88.435.490.000 |
| Cộng | 100,00% | 13.199.847 | 131.998.470.000 | 100,00% | 13.199.847 | 131.998.470.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | Tại 31/12/2016 | Tại 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Mệnh giá (VND/ cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Quý IV năm 2016 | Quý IV năm 2015 | Lũy kế quý IV năm 2016 | Lũy kế quý IV năm 2015 |
|---------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Dịch vụ vận tải | 2.965.578.347 | 7.942.652.616 | 14.151.678.226 | 36.732.279.945 |
| Dịch vụ khai thác kho bãi | 3.398.227.420 | 3.732.413.429 | 14.168.990.835 | 12.830.216.322 |
| Dịch vụ đại lý container | 3.672.865.683 | 3.448.924.314 | 12.759.981.185 | 13.115.691.267 |
| Cho thuê văn phòng | 205.350.742 | 119.454.872 | 816.720.032 | 119.454.872 |
| Doanh thu bán hàng hóa | - | 576.318.182 | - | 576.318.182 |
| Cộng | 10.242.022.192 | 15.819.763.413 | 41.897.370.278 | 63.373.960.588 |

2. Giá vốn hàng bán

| | | | | |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn – dịch vụ vận tải | 4.033.250.693 | 7.113.872.641 | 14.853.656.527 | 34.066.281.441 |
| Giá vốn – khai thác kho bãi | 2.018.618.790 | 3.042.144.610 | 11.021.517.711 | 11.304.037.050 |
| Giá vốn – đại lý container | 1.468.836.846 | 1.746.063.848 | 5.831.444.885 | 5.547.127.450 |
| Giá vốn – Cho thuê văn phòng | 143.539.951 | 78.247.678 | 569.476.868 | 78.247.678 |
| Giá vốn – Hàng hóa | - | 669.105.000 | - | 669.105.000 |
| Cộng | 7.664.246.280 | 12.649.433.777 | 32.276.095.991 | 51.664.798.619 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Quý IV năm 2016 | Quý IV năm 2015 | Lũy kế quý IV năm 2016 | Lũy kế quý IV năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 377.552.246 | 252.503.921 | 1.141.661.358 | 530.887.496 |
| Cô tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết | 80.000.000 | - | 1.039.771.887 | 18.847.449.844 |
| Lãi đầu tư vào công ty con | - | - | 8.235.802.514 | 14.633.996.682 |
| Lãi cho vay | - | 36.666.000 | - | 327.170.032 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 206.340.813 | 225.241.279 | 393.653.634 | 615.678.291 |
| Đầu tư khác | 4.715.468.819 | 48.831.000 | 5.343.968.819 | 1.650.000.000 |
| Lãi chuyển nhượng vốn | - | 1.050.000.000 | - | 1.050.000.000 |
| Đầu tư chứng khoán | - | - | 3.883.121.000 | - |
| Cộng | 5.379.361.878 | 1.613.242.200 | 30.037.979.212 | 37.655.182.345 |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | | | |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 564.111.893 | 689.784.885 | 2.220.454.247 | 2.097.024.066 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 50.258.369 | - | 144.071.933 | - |
| Chi phí dụng cụ quản lý | 15.771.816 | - | 42.455.580 | - |
| Chi phí khấu hao | 76.529.531 | 36.485.635 | 376.329.440 | 186.535.178 |
| Thuế phí và lệ phí | 383.700 | - | 8.030.979 | - |
| Chi phí (hoàn nhập) dự phòng | - | - | - | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 242.027.631 | 298.150.053 | 1.032.392.391 | 1.363.038.756 |
| Chi phí bằng tiền khác | 76.567.098 | (125.934.108) | 291.442.692 | 55.936.725 |
| Cộng | 1.025.650.038 | 898.486.465 | 4.115.177.262 | 3.702.534.725 |

5. Lợi nhuận khác

| | | | | |
|--|-------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 15.957.598 | 2.892.727.273 | 1.667.011.900 |
| Thu nhập khác | 18.000.002 | - | 38.909.452 | 1 |
| Cộng | 18.000.002 | 15.957.598 | 2.931.636.725 | 1.667.011.901 |

Chi phí khác

| | | | | |
|---------------------------------------|-------------------|----------|----------------------|----------|
| Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý | - | - | 2.814.154.018 | - |
| Nộp phạt thuế | 29.811.284 | - | 29.811.284 | - |
| Chi phí khác | 17.912.000 | - | 17.912.000 | - |
| Cộng | 47.723.284 | - | 2.861.877.302 | - |

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

| | | | | |
|--|---------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
| | (29.723.282) | 15.957.598 | 69.759.423 | 1.667.011.901 |
|--|---------------------|-------------------|-------------------|----------------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | Quý IV năm 2016 | Quý IV năm 2015 | Lũy kế quý IV năm 2016 | Lũy kế quý IV năm 2015 |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu | 651.342.130 | 1.103.054.860 | 2.420.022.666 | 3.885.913.673 |
| Chi phí nhân viên | 2.920.450.863 | 3.452.282.425 | 11.459.991.146 | 10.706.465.055 |
| Chi phí khấu hao | 1.183.184.732 | 1.106.776.254 | 4.731.828.826 | 4.562.914.241 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.834.761.495 | 6.636.195.426 | 16.746.184.962 | 32.961.567.067 |
| Chi phí bằng tiền khác | 100.157.098 | 580.506.277 | 1.033.245.653 | 2.581.368.308 |
| Cộng | 8.689.896.318 | 12.878.815.242 | 36.391.273.253 | 54.698.228.344 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với bên liên quan*

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Công ty con |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Công ty con |
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh | Công ty con |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú | Công ty liên kết |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

| | <u>Số dư 31/12/2016</u> | <u>Số dư 01/01/2016</u> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | | |
| Phải trả | 2.604.000 | 12.078.150 |
| Phải thu khác | - | - |
| Phải trả khác | - | 383.445.217 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | | |
| Phải thu khác | 4.846.391.787 | 7.623.254.549 |
| Phải trả | 18.550.000 | 268.800.000 |
| Phải trả khác | - | 555.903.592 |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | | |
| Phải thu | 5.403.817.936 | 2.411.895.646 |
| Phải thu khác | 6.352.378.277 | 6.352.378.277 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | | |
| Phải thu | 326.593.044 | 1.206.996.872 |
| Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú | | |
| Phải thu | 1.984.500.000 | 2.031.443.100 |
| Phải thu khác | - | - |
| Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh | | |
| Phải trả khác | 116.110.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

| | Quý IV năm 2016 | Quý IV năm 2015 | Lũy kế quý IV năm 2016 | Lũy kế quý IV năm 2015 |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lương, thưởng của Ban Giám đốc | 252.037.500 | 316.312.500 | 1.008.150.000 | 1.262.250.000 |

2. Giải trình bổ sung chênh lệch Doanh thu & lợi nhuận so cùng kỳ 2015.

-Doanh thu quý 4/2016 và lũy kế đến 31/12/2016 sụt giảm mạnh so cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân là do ảnh hưởng thị trường hàng hóa nội địa chung trong nước sụt giảm mạnh so với cùng kỳ, dẫn đến ảnh hưởng chung đến hoạt động SXKD.

-Doanh thu hoạt động Tài chính quý 4/2016 tăng so quý 4/2015 do chuyển nhượng một phần Cổ phiếu mà C.ty đang nắm giữ, và doanh thu hoạt động Tài chính lũy kế đến Quý 4/2016 giảm so cùng kỳ do lợi nhuận tài chính từ các Đơn vị LDLK cũng sụt giảm so với lũy kế đến quý 4/2015.

-Doanh thu khác giảm do năm 2015 thanh lý một số TSCĐ cũ hư hỏng không còn phù hợp nhu cầu SXKD.

-Chi phí BHXH, YT năm 2016 tăng so với năm 2015. Theo QĐ số 959/QĐ-BHXH áp dụng ngày 01/01/2016

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2017



Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu